

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 76/2023/HS-ST
Ngày: 03-8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Ngâm;

Bà Phan Thị Oanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Khoa N, sinh ngày 08/4/1979 tại tỉnh Phú Yên; cư trú tại thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958 và bà Phan Thị Hồng T, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Anh Đặng Xuân V, sinh năm 1983; cư trú tại: khu phố P, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty Đ Phú Yên; địa chỉ: số M đường L, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Ông Đặng Công D - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ và Pháp chế Công ty Đ Phú Yên theo văn bản ủy quyền số 2930/UQ-PYPC ngày 19/7/2023; có mặt.

- Anh Trịnh Vũ H, sinh năm 1998; cư trú tại: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1972; cư trú tại: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; cư trú tại: thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/01/2023, Nguyễn Khoa N điều khiển xe mô tô biển số 78L1-3755 đi từ nhà ở thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào xã H, huyện P để lấy tiền công. Khi đi ngang qua nhà máy bia Sài Gòn ở Phường S, thành phố T thì N phát hiện cạnh tường rào nhà máy bia có 01 cuộn dây cáp nhôm vặn xoắn ABC nhãn hiệu Đại Long của Công ty trách nhiệm hữu hạn lắp đặt điện N giao cho ông Đặng Xuân V chịu trách nhiệm quản lý theo hợp đồng. N nảy sinh ý định trộm cắp nên đã gọi điện thoại cho Trịnh Vũ H thuê Hồ chở cuộn dây cáp trên về bỏ tại Gành Đ, thị xã S cho N; H tưởng rằng cuộn cáp là của N nên đồng ý chở. Đến 12 giờ cùng ngày, H đến cầu cuộn cáp lên xe và chở đến địa điểm mà N yêu cầu. Sau đó, ông Đặng Xuân V phát hiện mất cuộn cáp trên nên đã báo cáo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐ ngày 06/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 1.000m dây cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6/1kV ABC 4x95mm² có giá trị 108.780.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSTH ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Khoa N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Đã trả lại cho Công ty Đ Phú Yên 01 cuộn cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6/1kV ABC 4x95mm², dài 1.000m hiệu Đại Long; trả lại cho Trịnh Vũ H 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 10 Plus màu xanh; đang tạm giữ 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imel: 35921060793555441 và sim điện thoại.

Về dân sự: Bị hại anh Đặng Xuân V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Khoa N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu, nộp ngân sách nhà Nước 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen, số Imel: 35921060793555441 và 01 sim điện thoại số 0963110037. Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị xem xét.

Bị hại anh Đặng Xuân V trình bày đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại; đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đại diện Công ty Đ Phú Yên trình bày: cuộn dây cáp mà bị cáo Nguyễn trộm cắp là tài sản của Công ty Đ Phú Yên cung cấp cho đơn vị thi công là Công ty trách nhiệm hữu hạn lắp đặt điện N để thực hiện dự án hoàn thiện lưới điện thị xã S. Hiện nay, Công ty đã nhận lại tài sản để thi công và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông là chủ xe cầu do anh Trịnh Vũ H lái để cầu cuộn cáp nhưng do ông và anh H không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên thoả thuận đồng ý chờ cho bị cáo. Nay không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 16/01/2023, tại Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, bị cáo Nguyễn Khoa N đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây cáp nhôm bọc vện xoắn 0,6/1kV ABC 4x95mm², dài 1.000m hiệu Đại Long trị giá 108.780.000 đồng của anh Đặng Xuân V là người quản lý hợp pháp. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đồng thời gây mất an ninh tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức pháp luật và đầy đủ sức khỏe để kiểm tiền bằng chính sức lao động chân chính của mình nhưng do muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Đối với anh Trịnh Vũ H và ông Nguyễn Đình T khi nhận vận chuyển cuộn cáp không biết đây là tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 359216079355441 và 01 sim điện thoại số 0963110037 bị cáo dùng để làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khoa N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Phạt bị cáo Nguyễn Khoa N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI 359216079355441 và 01 sim điện thoại số 0963110037.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hoà và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khánh Thoa